

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa XVIII

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, để chuẩn bị cho kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 (kỳ họp thứ 19), Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết “*Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình*” như sau:

A. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

I. Cơ sở chính trị, pháp lý

1. Cơ sở chính trị

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã được đưa ra tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao là: Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa...

Tại Nghị quyết 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã nêu rõ quan điểm phát triển và tổ chức không gian phát triển của đất nước ta thời kỳ 2021 - 2030. Một trong những mục tiêu trọng tâm trong phát triển thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030 là phải phát huy tối đa lợi thế của quốc gia, vùng, địa phương; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Để đảm bảo được mục tiêu trên, việc quản lý tốt diện tích đất trồng lúa áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Tại Điều 12 của Nghị quyết: “*Quản lý diện tích đất trồng lúa 3,5 triệu ha. Trong phạm vi diện tích phù hợp, cho phép linh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa để có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa*”

nước sang đất phi nông nghiệp, đi đôi với việc bảo đảm lợi ích của người trồng lúa và địa phương trồng lúa”.

2. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15; Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa:

“ Điều 15. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.

II. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, hàng năm ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh Quảng Bình thực hiện hỗ trợ phát triển đất trồng lúa khoảng trên 31.000 triệu đồng. Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 Quy định quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Ngoài ngân sách Trung ương hỗ trợ bố trí trong dự toán chi cân đối hàng năm cho ngân sách cấp huyện, ngân sách Tỉnh còn bổ sung cho ngân sách cấp huyện từ nguồn thu nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp hàng năm nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định từ năm 2022 đến 30/11/2024 khoảng trên 48 tỷ đồng (Trong đó năm 2022: 15,942 tỷ đồng; năm 2023: 18,890 tỷ đồng và năm 2024 dự kiến trên 13 tỷ đồng). Theo đó các địa phương đã sử dụng không thấp hơn 60% kinh phí để thực hiện hỗ trợ cho người trồng lúa áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ liên

kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; kinh phí còn lại thực hiện đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi. Chính sách hỗ trợ phát triển đất trồng lúa đã góp phần tạo điều kiện cho địa phương có nguồn lực đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, đầu tư hệ thống thủy lợi, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất trồng lúa, hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật, giống mới trong trồng lúa; thu hút doanh nghiệp xây dựng các mô hình liên kết sản xuất... góp phần phát triển kinh tế xã hội.

Ngày 11/9/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 112/2024/NĐ-CP), theo đó thẩm quyền ban hành, tên gọi và nội dung tại Quyết định số 2853/QĐ-UBND nói trên không còn phù hợp với Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể tại khoản 1 Điều 15 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: *“1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này”*.

Căn cứ quy định nêu trên, để đảm bảo nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết, đúng quy định của pháp luật.

B. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

I. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Điều 15 - Sử dụng kinh phí hỗ trợ, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP; tạo cơ sở pháp lý để kịp thời thực hiện công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Chính sách triển khai kịp thời góp phần tạo thuận lợi cho địa phương có nguồn lực đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất trồng lúa, đầu tư hạ tầng nông nghiệp nông thôn, cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước, hỗ trợ tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong trồng lúa nước,... góp phần phát triển kinh tế xã hội.

II. Quan điểm xây dựng nghị quyết ✓

Nội dung quy định về nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan; đảm bảo hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất, đảm bảo phù hợp với thực tiễn tại địa phương trên cơ sở được sự đồng thuận, nhất trí của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

C. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, người sử dụng đất trồng lúa và các đơn vị khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

D. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan; thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan, đăng tải trên Công thông tin điện tử của tỉnh. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ý kiến.

E. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Bố cục của nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 điều, trong đó:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ

Điều 3. Tổ chức thực hiện

II. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm liền kề trước năm kế hoạch; Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao của năm

liên kế trước năm kế hoạch. Riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025, diện tích đất trồng lúa là số liệu thống kê đất đai của tỉnh do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm 2023.

b) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

c) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ được địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung trong dự toán: Hỗ trợ kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã theo tiêu chí diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo định mức quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh theo quy định khoản 1, Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, hỗ trợ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo định mức như sau: Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 15% trên tổng nguồn kinh phí; Phần kinh phí còn lại 85% hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 3 điều này:

Sử dụng không thấp hơn 60% kinh phí được phân bổ để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Kinh phí còn lại sau khi hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa tại điểm a, khoản 4 điều này thực hiện hỗ trợ cho các hoạt động: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh quy định tại điểm b, khoản 3 điều này:

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho các hoạt động: Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ cho các hoạt động: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung tại này, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn cụ thể các địa phương để thống nhất thực hiện trên toàn tỉnh.

F. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung cho tỉnh và nguồn thu từ nộp tiền thuê Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa nước bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp hàng năm nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, Điều 12, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 xem xét, quyết định./.

(Có dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên & Môi trường;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Phong Phú

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí
hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng đất trồng lúa

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ được xác định theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm liền kề trước năm kế hoạch; Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo điểm c, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao của năm liền kề trước năm kế hoạch. Riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025, diện tích đất trồng lúa là số liệu thống kê đất đai của tỉnh do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố của năm 2023.

b) Ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng đất trồng lúa và địa phương quản lý đất trồng lúa.

c) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ được địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

a) Các địa phương sản xuất lúa với đất chuyên trồng lúa; đất trồng lúa còn lại (trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa) và đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

b) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao, thuê hoặc cấp đất trồng lúa sản xuất ổn định, trực tiếp tham gia sản xuất.

c) Cơ quan nhà nước liên quan đến việc quản lý đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương bổ sung trong dự toán: Hỗ trợ kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố, thị xã theo tiêu chí diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo định mức quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa đã nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh theo quy định khoản 1, Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, hỗ trợ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo định mức như sau: Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 15% trên tổng nguồn kinh phí; phần kinh phí còn lại 85% hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố theo diện tích đất trồng lúa được phê duyệt hàng năm theo Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này:

Sử dụng không thấp hơn 60% kinh phí được phân bổ để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy

trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Kinh phí còn lại sau khi hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa tại điểm a, khoản 4 Điều này thực hiện hỗ trợ cho các hoạt động: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

b) Đối với nguồn thu tiền bảo vệ đất trồng lúa nộp vào ngân sách nhà nước tỉnh quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này:

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho các hoạt động: Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ cho các hoạt động: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH Quảng Bình, Báo Quảng Bình;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu